

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 133/2001/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH ngày 01 tháng 6 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 50/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính

phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tín dụng hỗ trợ xuất khẩu. Quỹ Hỗ trợ phát triển thực hiện nhiệm vụ tín dụng hỗ trợ xuất khẩu theo quy định của Quy chế này.

Điều 2. Nâng mức vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ phát triển lên 5.000 tỷ đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan

thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

TÍN DỤNG HỖ TRỢ XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu là ưu đãi của Nhà nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và cá nhân phát triển sản xuất - kinh

doanh hàng xuất khẩu theo chính sách khuyến khích xuất khẩu của Nhà nước.

Điều 2. Các hình thức tín dụng hỗ trợ xuất khẩu

1. Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu trung và dài hạn, bao gồm:

a) Cho vay đầu tư trung và dài hạn;

b) Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư;

c) Bảo lãnh tín dụng đầu tư.

2. Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu ngắn hạn, bao gồm:

a) Cho vay ngắn hạn (kể cả cho vay đối với các doanh nghiệp xuất khẩu hàng thanh toán trả chậm đến 720 ngày);

b) Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp Nhà nước.

2. Công ty cổ phần.
3. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
4. Công ty hợp danh.
5. Doanh nghiệp tư nhân.
6. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
7. Hộ gia đình và cá nhân có đăng ký kinh doanh.

(Sau đây gọi chung là đơn vị).

Điều 4. Đồng tiền cho vay và trả nợ

1. Đồng tiền cho vay: Đồng Việt Nam.
2. Đồng tiền trả nợ: các đơn vị trả nợ bằng Đồng Việt Nam. Đơn vị có ngoại tệ tự do chuyển đổi có thể trả nợ bằng ngoại tệ theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm trả nợ.

Điều 5. Quỹ Hỗ trợ phát triển thực hiện nhiệm vụ tín dụng hỗ trợ xuất khẩu theo quy định tại Quy chế này. Quỹ Hỗ